

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29- 02 -2024

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lý Trung Hiếu;

2. Ông Trần Như Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tiến Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Phú Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2023/TLST-HNGĐ ngày 27-10-2023 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 2 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Mùi M; sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Khe H, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn Đ, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Khe H, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2023 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Mùi M trình bày:

Chị và anh Triệu Văn Đ trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10-5-2018, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại thôn A nay là thôn Khe H, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp, không thống nhất được cách làm ăn kinh tế, anh Đ đi làm ăn xa ít về thăm gia đình, vợ con. Tôi và anh Đ đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 6 năm 2022 đến

nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Triệu Văn Đ.

Về con chung: Tôi và anh Đ có hai con chung, Triệu Thị Thanh H, sinh ngày 25/5/2015 và Triệu Thị C, sinh ngày 09/11/2016. Ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Triệu Văn Đ nhưng anh Đ không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Biên bản xác minh ngày 01 tháng 12 năm 2023 (bút lục số 33) trường thôn thôn Khe H, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái, cho biết: Anh Triệu Văn Đ và chị Phùng Mùi M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái năm 2018, sau khi kết hôn anh Đ và chị M sinh sống tại thôn Khe H, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Anh Đ thường đi làm ăn xa, thi thoảng mới về nhà. Về con chung chị M và anh Đ có hai con Triệu Thị Thanh H, sinh ngày 25/5/2015 và Triệu Thị C, sinh ngày 09/11/2016, đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của chị M. Về tài sản chung, nợ chung chị M và anh Đ có hay không tôi không rõ. Chị Phùng Mùi M xin ly hôn anh Triệu Văn Đ đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái thì anh Triệu Văn Đ hiện vẫn đăng ký hộ khẩu tại xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái.

*Tại phiên tòa:* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Phùng Mùi M được ly hôn anh Triệu Văn Đ; về con chung: Giao con chung Triệu Thị Thanh H, sinh ngày 25/5/2015 và Triệu Thị C, sinh ngày 09/11/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Phùng Mùi M được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Triệu Văn Đ là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Triệu Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Mùi M và anh Triệu Văn Đ trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 05 năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng Mùi M và anh Triệu Văn Đ là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị M và anh Đ tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, không thống nhất được nơi làm ăn kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ khoảng tháng 6 năm 2022 đến nay. Anh Đ thường đi làm ăn xa ít có thời gian quan tâm, chăm sóc gia đình. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ đều vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại địa phương anh Đ thường đi làm ăn xa, ít về gia đình, đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Mùi M.

[4] Về con chung: Chị M và anh Đ có hai người con chung Triệu Thị Thanh H, sinh ngày 25/5/2015 và Triệu Thị C, sinh ngày 09/11/2016. Ly hôn chị M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu H và cháu C, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Cháu H và cháu C hiện đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao cháu H và cháu C cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng và cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu C muốn được ở cùng chị M. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao con chung là Triệu Thị Thanh H, sinh ngày 25/5/2015 và Triệu Thị C, sinh ngày 09/11/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Phùng Mùi M là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh

tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Mùi M được ly hôn anh Triệu Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu Thị Thanh H, sinh ngày 25/5/2015 và Triệu Thị C, sinh ngày 09/11/2016 cho chị Phùng Mùi M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H, cháu C đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Triệu Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phùng Mùi M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Mùi M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Triệu Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện V;
- Thi hành án DS huyện V;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hương**